

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
QUÝ II NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MCO VIỆT NAM**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2011</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp quý II năm 2011</b>	<b>6-7</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp quý II năm 2011</b>	<b>8 - 9</b>
<b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp quý II năm 2011</b>	<b>10 - 23</b>

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>257,035,813,620</b>	<b>211,081,355,789</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2,272,641,339</b>	<b>6,436,940,961</b>
1. Tiền	111		2,272,641,339	6,436,940,961
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133,405,195,238</b>	<b>111,134,865,230</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	83,832,177,647	63,146,854,105
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	46,828,289,598	45,453,356,710
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3,564,133,715	3,354,060,137
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(819,405,722)	(819,405,722)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>112,976,905,713</b>	<b>89,191,473,337</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	112,976,905,713	89,191,473,337
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8,381,071,330</b>	<b>4,318,076,261</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	20,339,499	66,758,036
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	6,066,602,006	1,350,344,027
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2,294,129,825	2,900,974,198

## CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>67,857,187,063</b>	<b>78,034,191,333</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58,346,084,747</b>	<b>69,153,036,756</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	49,749,785,809	57,409,117,844
<i>Nguyên giá</i>	222		148,398,457,047	148,575,985,494
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(98,648,671,238)	(91,166,867,650)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Nguyên giá</i>	228		4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	4,017,498,938	7,165,118,912
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9,167,719,000</b>	<b>7,920,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	5,857,719,000	5,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	3,310,000,000	2,920,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>343,383,316</b>	<b>961,154,577</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	268,735,720	886,506,981
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	74,647,596	74,647,596
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>324,893,000,683</b>	<b>289,115,547,122</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>272,860,309,926</b>	<b>238,807,188,240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>248,075,668,692</b>	<b>209,470,635,181</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	91,439,132,778	77,517,453,702
2. Phải trả người bán	312	V.18	58,212,921,975	55,178,150,475
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	43,772,111,078	29,346,363,427
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	26,498,023,107	20,032,109,769
5. Phải trả người lao động	315	V.21	413,458,113	4,652,263,142
6. Chi phí phải trả	316	V.22	18,151,205,553	15,376,184,334
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	9,529,249,202	7,308,543,446
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	59,566,886	59,566,886
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24,784,641,234</b>	<b>29,336,553,059</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	24,621,379,672	29,173,291,497
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	163,261,562	163,261,562
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52,032,690,757</b>	<b>50,308,358,882</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>52,032,690,757</b>	<b>50,308,358,882</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	41,039,290,000	41,039,290,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	149,852,000	149,852,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	2,761,987,245	2,761,987,245
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	581,097,141	581,097,141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	7,500,464,371	5,776,132,496
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>324,893,000,683</b>	<b>289,115,547,122</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam



Nguyễn Quốc Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

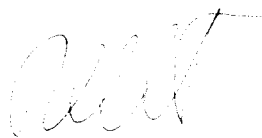
(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

1000.VNE

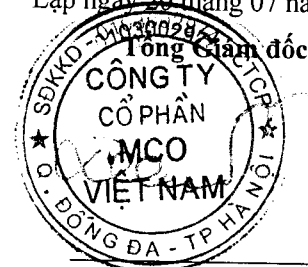
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54,708,982	53,808,062	78,213,704	84,345,769
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10		54,708,982	53,808,062	78,213,704	84,345,769
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47,120,067	47,071,165	63,682,939	72,935,131
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		7,588,915	6,736,897	14,530,765	11,410,638
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,687	12,162	11,852	29,228
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	4,403,000	3,268,540	9,630,382	5,760,946
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,403,000	3,067,176	9,630,382	5,546,062
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3,133,445	2,256,833	3,607,931	3,095,329
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59,157	1,223,686	1,304,304	2,583,591
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	1,326,687	201,933	1,758,505	201,933
12.	Chi phí khác	32	VI.7	368,089	95,517	763,700	95,517
13.	Lợi nhuận khác	40		958,598	106,416	994,805	106,416
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,017,755	1,330,102	2,299,109	2,690,007
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51		254,438	217,656	574,777	387,644
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	52		-	-	-	5,219
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		763,317	1,112,446	1,724,332	2,297,144
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2011



Nguyễn Quốc Hương





**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2,299,109,167	2,690,007,170
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9,962,211,286	11,038,168,811
- Các khoản dự phòng	03	-	62,983,370
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	24,120,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(994,804,731)	(177,596,784)
- Chi phí lãi vay	06	9,630,381,899	5,546,062,022
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20,896,897,621	19,183,744,589
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(28,512,028,072)	(13,609,709,126)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23,785,432,376)	(13,264,037,270)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	31,554,905,505	15,574,082,383
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	664,189,798	694,427,769
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9,994,164,574)	(5,586,351,725)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(574,777,292)	(41,378,302)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9,750,409,390)</b>	<b>2,950,778,318</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3,182,619,974)	(12,643,163,067)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	750,845,820	201,931,172
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,351,883,329)	(4,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	3,780,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3,783,657,483)</b>	<b>(16,437,451,895)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II NĂM 2011

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73,141,304,674	48,004,022,460
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63,771,537,423)	(38,746,663,609)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9,369,767,251</b>	<b>9,257,358,851</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(4,164,299,622)</b>	<b>(4,229,314,726)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 6,436,940,961</b>	<b>9,591,314,423</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1 2,272,641,339</b>	<b>5,361,999,697</b>

Kế toán trưởng

Ngô Đức Nam

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2011



# **CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và các lĩnh vực khác
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
  - Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường, bến cảng, sân lắp mặt bằng);
  - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện đến 35KV;
  - Nạo vét, đào đắp công trình;
  - Đầu tư xây dựng các công trình: cơ sở hạ tầng cụm dân cư, đô thị, giao thông vận tải;
  - Khai thác, kinh doanh đá, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
  - Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng hóa, dịch vụ du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí;
  - Sửa chữa xe máy thiết bị thi công, gia công cơ khí;
  - Thiết kế các công trình xây dựng thủy lợi;
  - Thiết kế các công trình cảng, đường thủy;
  - Thiết kế đường bộ;
  - Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp...

### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp Xây dựng số 2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113012078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 5 năm 2006. Theo Điều lệ hoạt động của Xí nghiệp Xây dựng số 2 thì vốn điều lệ của Xí nghiệp là 4.770.000.000 VND, trong đó, Công ty Cổ phần MCO Việt Nam cấp 2.000.000.000 VND, còn lại vốn Xí nghiệp tự huy động là 2.770.000.000 VND. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty chưa cấp vốn cho Xí nghiệp.

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông đã họp và biểu quyết thống nhất phương án giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp Xây dựng số 2. Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục giải thể Chi nhánh.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty có 2 Chi nhánh (Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp số 2 và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội)) hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) mà không tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp số 2 do Công ty chưa cấp vốn hoạt động cho Chi nhánh này theo Điều lệ hoạt động của Chi nhánh, số tiền 2.000.000.000 VND.

Doanh thu và số dư giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ không thể thu hồi được.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối năm được tính theo phương pháp giá đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang cuối năm	=	Giá trị sản lượng dờ dang cuối năm	-	Thu nhập chịu thuế tính trước	-	Các khoản phụ phí (nếu có)	-	Chi phí quản lý ước tính
--	---	---	---	-------------------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

#### 6. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

#### 8. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### *Tiền thuê văn phòng*

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê văn phòng.

#### 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **11. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2011 : 20.618 VND/USD

## CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

#### 16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.836.424.918	3.018.161.774
Tiền gửi ngân hàng	436.216.421	3.418.779.187
<b>Cộng</b>	<b><u>2.272.641.339</u></b>	<b><u>6.436.940.961</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	82.167.425.145	59.153.435.468
Phải thu khách hàng hoạt động khác	1.664.752.502	3.993.418.637
<b>Cộng</b>	<b><u>83.832.177.647</u></b>	<b><u>63.146.854.105</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	33.480.901.203	33.721.926.812
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	10.591.929.994	7.353.609.532
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp Tư nhân	2.005.964.151	1.580.549.615
Nhóm đối tượng khác	749.494.250	2.797.270.751
<b>Cộng</b>	<b><u>46.828.289.598</u></b>	<b><u>45.453.356.710</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	386.041.579	386.041.579
Công ty Cổ phần MCO Phát triển Hạ Tầng	130.176.000	130.176.000
Phải thu dự án Thủy điện Xoong con	15.000.000	15.000.000
Thuế GTGT đầu vào của các công trình chưa có hóa đơn	2.682.585.058	2.682.585.058
Tạm ứng cho các đối tượng ngoài Công ty	174.177.500	135.057.500
Phải thu tiền ăn trưa của công nhân viên trong công ty	170.953.578	-
Các khoản phải thu khác	5.200.000	5.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.564.133.715</u></b>	<b><u>3.354.060.137</u></b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi UBND Thị Xã Sơn La	657.863.763	657.863.763
Công ty TNHH Thương Mại Đại Thiên Sơn	144.626.250	144.626.250
Công ty GP Xây dựng Vận tải Ô tô số chín	16.915.709	16.915.709
<b>Cộng</b>	<b><u>819.405.722</u></b>	<b><u>819.405.722</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.284.729.113	2.245.349.145
Công cụ, dụng cụ	7.572.728	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	110.684.603.872	86.946.124.192
<b>Cộng</b>	<b><u>112.976.905.713</u></b>	<b><u>89.191.473.337</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ



**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.205.304.825	2.812.149.198
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	88.825.000	88.825.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.294.129.825</u></b>	<b><u>2.900.974.198</u></b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	2.814.660.275	110.690.913.767	33.555.698.995	1.187.872.631	326.839.826	148.575.985.494
Tăng do mua sắm mới	-	35.000.000	3.147.619.974	-	-	3.182.619.974
Giảm trong kỳ	-	(1.187.198.660)	(2.172.949.761)	-	-	(3.360.148.421)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(1.187.198.660)	(1.708.785.432)	-	-	(2.895.984.092)
<i>Giảm do góp vốn đầu tư</i>	-	-	(464.164.329)	-	-	(464.164.329)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.814.660.275</u></b>	<b><u>109.538.715.107</u></b>	<b><u>34.530.369.208</u></b>	<b><u>1.187.872.631</u></b>	<b><u>326.839.826</u></b>	<b><u>148.398.457.047</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	712.368.193	71.451.269.973	17.556.369.804	1.133.646.856	313.212.824	91.166.867.650
Tăng do khấu hao	140.733.012	6.832.294.893	2.953.834.578	21.721.801	13.627.002	9.962.211.286
Giảm trong kỳ	-	(1.077.462.792)	(1.402.944.906)	-	-	(2.480.407.698)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(1.077.462.792)	(1.054.821.666)	-	-	(2.132.284.458)
<i>Giảm do góp vốn đầu tư</i>	-	-	(348.123.240)	-	-	(348.123.240)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>853.101.205</u></b>	<b><u>77.206.102.074</u></b>	<b><u>19.107.259.476</u></b>	<b><u>1.155.368.657</u></b>	<b><u>326.839.826</u></b>	<b><u>98.648.671.238</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	<u>2.102.292.082</u>	<u>39.239.643.794</u>	<u>15.999.329.191</u>	<u>54.225.775</u>	<u>13.627.002</u>	<u>57.409.117.844</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.961.559.070</u></b>	<b><u>32.332.613.033</u></b>	<b><u>15.423.109.732</u></b>	<b><u>32.503.974</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>49.749.785.809</u></b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất có nguyên giá bằng giá trị còn lại và bằng 4.578.800.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	3.147.619.974		3.147.619.974	-
XDCB dở dang	4.017.498.938		-	4.017.498.938
Công trình Thủy Điện Xoong Con	4.017.498.938			4.017.498.938
<b>Cộng</b>	<b>7.165.118.912</b>		<b>3.147.619.974</b>	<b>4.017.498.938</b>

#### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí Công cụ dụng cụ	801.463.266	15.159.913	574.913.932	241.709.247
Chi phí thuê sửa chữa văn phòng Chi nhánh	85.043.715		58.017.242	27.026.473
<b>Cộng</b>	<b>886.506.981</b>	<b>15.159.913</b>	<b>632.931.174</b>	<b>268.735.720</b>

#### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	22.197.576.480	12.255.884.715
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội	21.675.487.483	33.244.281.282
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hà Nội	24.755.836.841	22.102.867.705
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Láng Hạ	9.893.544.974	-
Vay ngắn hạn cá nhân và tổ chức khác		
Công ty CP Công nghiệp trẻ Nghệ An	9.850.000.000	9.850.000.000
Công ty CP MCO Nghệ An	550.000.000	-
Vay cá nhân	2.516.687.000	64.420.000
<b>Cộng</b>	<b>91.439.132.778</b>	<b>77.517.453.702</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Bản ghi nhớ về giới hạn tín dụng ngày 23/06/2010 với hạn mức tín dụng là 90 tỷ VND, lãi suất vay vốn linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng hạn mức tín dụng cho nhiều công trình khác nhau để bổ sung vốn kinh doanh lưu động cho Văn phòng Công ty.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 111/2010/HĐHM - PN/SHBHN ngày 07/06/2010 với hạn mức vay là 25 tỷ VND, lãi suất vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1700/LAV/2009 ngày 12/11/2009 với hạn mức tín dụng là 5 tỷ VND, lãi

## CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

suất vay linh hoạt theo từng nhận nợ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trụ sở Văn phòng Công ty tại Số 8 Ngõ 121, Phố Thái Hà, TP Hà Nội.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.603.033.702	68.374.617.674	57.455.205.598	78.522.445.778
Vay ngắn hạn cá nhân và tổ chức khác	9.914.420.000	3.766.687.000	764.420.000	12.916.687.000
<b>Cộng</b>	<b><u>77.517.453.702</u></b>	<b><u>72.141.304.674</u></b>	<b><u>58.219.625.598</u></b>	<b><u>91.439.132.778</u></b>

#### 14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	22.418.190.854	29.904.215.602
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	24.446.543.566	18.814.171.921
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp Tư nhân	3.428.780.190	3.912.055.489
Nhóm đối tượng khác	7.919.407.365	2.547.707.463
<b>Cộng</b>	<b><u>58.212.921.975</u></b>	<b><u>55.178.150.475</u></b>

#### 15. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền các khách hàng thanh toán trước cho các hợp đồng xây dựng.

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế gtgt đầu ra	17.829.218.066	6.598.304.247	721.544.465	23.705.977.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.079.812.206	1.099.777.292	-	3.179.589.498
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	123.079.497	14.376.264	-	137.455.761
<b>Cộng</b>	<b><u>20.032.109.769</u></b>	<b><u>7.712.457.803</u></b>	<b><u>721.544.465</u></b>	<b><u>27.023.023.107</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

Công trình 48 WB - Nghĩa Thuận - Nghệ An (Vốn đầu tư của WB)	0%
Doanh thu bán hàng hóa và doanh thu các hợp đồng xây dựng khác	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tiếp theo tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Năm 2011 là năm tài chính Công ty không được hưởng miễn giảm thuế theo quy định.

Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP.Hà Nội) hạch toán độc lập, thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.399.109.167	2.690.007.170
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	411.145.497
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ		432.022.108
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Khấu hao tài sản cố định tương ứng với phần lãi nội bộ phát sinh do Công ty bán tài sản cho Chi nhánh		(20.876.611)
Thu nhập tính thuế	4.399.109.167	3.101.152.667
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.099.777.292</b>	<b>775.288.167</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>(387.644.084)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.099.777.292</b>	<b>387.644.083</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Năm trước</b>		<b>2.508.610</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.099.777.292</b>	<b>390.152.693</b>

#### 17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	383.381.250	747.163.925
Trích trước chi phí các công trình	17.767.824.303	14.629.020.409
<b>Cộng</b>	<b>18.151.205.553</b>	<b>15.376.184.334</b>

#### 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	362.301	-
Kinh phí công đoàn	463.039.370	478.239.370
BHXH, BHYT, BHTN	407.842.116	369.706.650
Phải trả về cổ phần hóa	395.738.159	395.738.159
Kinh phí đào tạo cổ phần hóa	200.000.000	200.000.000
Phải trả các cá nhân tiền vay không tính lãi	7.671.797.657	5.490.542.657
Phải trả phí quản lý Tổng Công ty	271.412.030	271.412.030
Phải trả, phải nộp khác	119.057.569	102.904.580
<b>Cộng</b>	<b>9.529.249.202</b>	<b>7.308.543.446</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	22.121.379.672	27.673.291.497
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa</i>	<i>11.117.453.672</i>	<i>13.637.456.497</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội</i>	<i>11.003.926.000</i>	<i>14.035.835.000</i>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.500.000.000	1.500.000.000
- <i>Vay Bà Lê Thị Bình</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>24.621.379.672</u></b>	<b><u>29.173.291.497</u></b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 13/TDH13/MCO/2009 ngày 25/08/2009, thời hạn vay 60 tháng, mục đích để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong dự án đầu tư thiết bị thi công số 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng tín dụng theo từng công trình dự án của Công ty. Mục đích để đầu tư thiết bị thi công cho các công trình. Thời hạn vay trong khoảng 4 đến 5 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	27.673.291.497	-	5.551.911.825	22.121.379.672
Vay dài hạn cá nhân	1.500.000.000	1.000.000.000	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>29.173.291.497</u></b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>	<b><u>5.551.911.825</u></b>	<b><u>24.621.379.672</u></b>

**20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	41.039.290.000	149.852.000	2.161.459.448	581.097.141	6.464.998.323	50.396.696.912
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.015.590.970	4.015.590.970
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(4.103.929.000)	(4.103.929.000)
Tăng quỹ ĐTP từ tiền thuế TNDN được miễn	-	-	600.527.797	-	(600.527.797)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>41.039.290.000</u></b>	<b><u>149.852.000</u></b>	<b><u>2.761.987.245</u></b>	<b><u>581.097.141</u></b>	<b><u>5.776.132.496</u></b>	<b><u>50.308.358.882</u></b>
Số dư đầu năm nay	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	5.776.132.496	50.308.358.882
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	1.724.331.875	1.724.331.875
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>41.039.290.000</u></b>	<b><u>149.852.000</u></b>	<b><u>2.761.987.245</u></b>	<b><u>581.097.141</u></b>	<b><u>7.500.464.371</u></b>	<b><u>52.032.690.757</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	4.706.740.000
Vốn góp của các cổ đông	36.332.550.000
Thặng dư vốn cổ phần	149.852.000
<b>Cộng</b>	<b>41.189.142.000</b>

***Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:***

Cổ tức năm trước	4.103.929.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
<b>Cộng</b>	<b>4.103.929.000</b>

***Cổ phiếu***

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

***Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu***

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	78.213.704.367	84.345.768.780
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	332.933.213	3.117.901.815
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.377.683.025	241.454.412
<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	74.503.088.129	80.986.412.553
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>78.213.704.367</b>	<b>84.345.768.780</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	277.120.840	2.839.560.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.982.570.937	613.693.233
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	61.423.247.040	69.481.878.023
<b>Cộng</b>	<b>63.682.938.817</b>	<b>72.935.131.256</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn phát sinh trong năm.

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.630.381.899	5.546.062.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	190.763.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	24.120.000
<b>Cộng</b>	<b>9.630.381.899</b>	<b>5.760.945.531</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.991.491.510	1.465.089.266
Chi phí vật liệu quản lý	-	19.003.271
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.955.106	14.985.001
Chi phí khấu hao TSCĐ	189.360.228	178.051.963
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	175.392.325
Chi phí dự phòng	-	64.666.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.818.181	312.048.914
Chi phí bằng tiền khác	1.218.306.225	866.091.365
<b>Cộng</b>	<b>3.607.931.250</b>	<b>3.095.329.075</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MCO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 8, Ngõ 121, Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

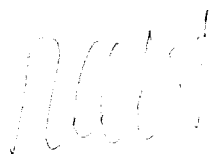
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.514.545.454	201.931.172
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản	243.958.911	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	1.914
<b>Cộng</b>	<b>1.758.504.365</b>	<b>201.933.086</b>

**7. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý tài sản cố định	763.699.634	28.114.388
Thuế bị phạt, lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	4.402.694
Chi phí ủng hộ	-	30.000.000
Chi phí thuê nhà	-	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>763.699.634</b>	<b>95.517.082</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

**Kế toán trưởng**


Ngô Đức Nam

**Tổng Giám đốc**

Nguyễn Quốc Hương